

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.1301 – 23.1307

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. **Phân loại mẫu** : Môi trường không khí xung quanh

3. **Ngày lấy mẫu** : 14/03/2023

4. **Ngày trả kết quả** : 21/03/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	NH ₃ mg/m ³
K1: Khu vực khuôn viên nhà máy		60,5	0,223	0,092	0,077	< 8,3	KPH
K2: Khu vực phía trước khu vực nhà xưởng chính		62,3	0,234	0,090	0,075	< 8,3	KPH
K3: Khu vực xử lý nước thải và khu silo malt, gạo		59,4	0,237	0,089	0,074	< 8,3	KPH
K4: Khu vực cổng ra vào nhà máy		63,7	0,242	0,093	0,078	< 8,3	KPH
K5: Khu vực hàng rào giáp công ty CP		58,5	0,212	0,088	0,073	< 8,3	KPH
K6: Khu vực hàng rào giáp công ty Đông Dương		60,2	0,208	0,089	0,073	< 8,3	KPH
K7: Khu vực hàng rào giáp Xí nghiệp may		59,6	0,217	0,086	0,072	< 8,3	KPH
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO	TCVN 5293:1995
QCVN 26:2010/BTNMT Khu vực thông thường (6h – 21h)		≤ 70	-	-	-	-	-
QCVN 05:2013/BTNMT		-	0,3	0,35	0,2	30	-
QCVN 06:2009/BTNMT		-	-	-	-	-	0,2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 05:2013/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mật độ chất độc hại trong không khí xung quanh.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.1308 - 23.1314

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Tiếng ồn môi trường xung quanh3. Ngày lấy mẫu : 14/03/20234. Ngày trả kết quả : 21/03/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Thời gian	Độ ồn dBA
K1: Khu vực trong khuôn viên nhà máy		21h00'	53,5
K2: Khu vực phía trước khu vực nhà xưởng chính		21h20'	54,8
K3: Khu vực giữa khu vực xử lý nước thải và khu silo malt, gạo		21h40'	51,4
K4: Khu vực cổng ra vào nhà máy		21h55'	54,2
K5: Khu vực hàng rào giáp công ty CP		22h15'	50,5
K6: Khu vực hàng rào giáp công ty Đông Dương		22h35'	53,6
K7: Khu vực hàng rào giáp xí nghiệp may		22h50'	51,3
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2018	
QCVN 26:2010/BTNMT Khu vực thông thường (21h – 6h)		≤ 55	

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

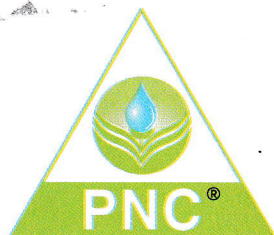


Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 05:2013/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.1315 – 23.1316

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

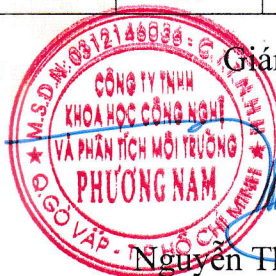
2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày lấy mẫu : 14/03/20234. Ngày trả kết quả : 21/03/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	NH ₃ mg/m ³
K8: Khu vực nén lạnh		68,4	0,267	0,095	0,080	< 8,3	KPH
K9: Khu vực chiết rót		72,2	0,201	0,091	0,078	< 8,3	KPH
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7873-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 5971-1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO	TCVN 5293:1995
QCVN 24:2016/BYT		≤ 85	-	-	-	-	-
QCVN 02:2019/BYT		-	8	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT		-	-	10	10	40	25

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

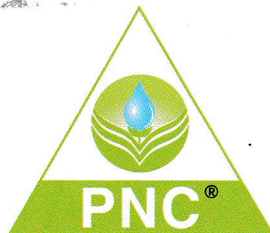
Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc .
- QCVN 02 : 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.1317

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất

3. Ngày lấy mẫu : 14/03/2023

4. Ngày trả kết quả : 21/03/2023

Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	NH ₃ mg/m ³	CO ₂ mg/m ³
Điểm đo							
K10: Khu vực lên men bia	67,8	0,235	0,093	0,079	< 8,3	KPH	1.427
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 5971-1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO	TCVN 5293:1995	Thiết bị đo nhánh tại hiện trường
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-	-	-	-	-	-
QCVN 02/2019/BYT	-	8	-	-	-	-	-
QCVN 03/2019/BYT	-	-	10	10	40	25	18.000

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc .
- QCVN 02 : 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia -Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.1234 – 23.1236

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn3. Ngày lấy mẫu : 13/03/20234. Ngày trả kết quả : 20/03/2023

Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo				
E10: Bên trong ống khói máy phát điện số 1	26	24	85	124
E11: Bên trong ống khói máy phát điện số 2	34	32	76	182
E12: Bên trong ống khói máy phát điện số 3	29	18	92	156
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 5	HDNB – 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Giá trị C; Cột B (Kp = 1 và Kv = 1)	200	500	850	1000

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.1231 – 23.1233

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
Địa chỉ Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
- Ngày trả kết quả** : 20/03/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³
E7: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống nhập liệu malt		106
E8: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải malt từ silo đến máy nghiền		93
E9: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải malt từ máy nghiền đến bồn chứa bột malt		115
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 5
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B		200

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 231137 – 231139

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
 Địa chỉ Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 10/03/2023
- Ngày trả kết quả** : 17/03/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³
E4: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải gạo từ silo đến máy nghiền		112
E5: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải gạo từ máy nghiền đến bồn chứa bột gạo		123
E6: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống nhập liệu gạo		141
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 5
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B		200

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 231134 – 231135

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
 Địa chỉ Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 10/03/2023
4. Ngày trả kết quả : 17/03/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³
E1: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống vệ sinh khu silo		73
E2: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống vệ sinh khu nghiền bột		109
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 5
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B		200

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Giá trị nồng độ giới hạn trên chưa tính đến hệ số vùng (Kv) và hệ số lưu lượng nguồn thải (Kp).



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 231136

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
 Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 10/03/2023
- Ngày trả kết quả** : 17/03/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
E3: Bên trong ống khói lò hơi số 1		63	0	84	312
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 5	HDNB – 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Giá trị C; cột B Kp = 1 và Kv = 1		200	500	850	1000

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

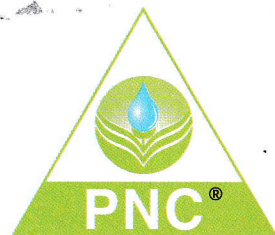
Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.1319

1. **Tên khách hàng** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
 Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
2. **Thông tin mẫu** : NT1 - Nước thải trước hệ thống xử lý
3. **Mô tả mẫu** : Mẫu thử nghiệm chứa trong can nhựa 5 lít, mẫu vàng nâu, có cặn lắng
4. **Ngày nhận mẫu** : 14/03/2023
5. **Thời gian thử nghiệm**: 14/03/2023 – 20/03/2023
6. **Ngày trả kết quả** : 21/03/2023

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT, Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
01	Lưu lượng ^(*)	m ³ /h	53	-	-	-
02	Nhiệt độ	°C	31,6	-	40	SMEWW 2550B:2017
03	Màu (pH = 7)	Pt – Co	197	-	50	SMEWW 2120C:2017
04	pH	-	7,31	-	6 – 9	TCVN 6492:2011
05	BOD ₅	mg/l	2357	-	30	TCVN 6001-1:2008
06	COD	mg/l	3771	-	75	SMEWW 5220C:2017
07	TSS	mg/l	202	-	50	TCVN 6625:2000
08	Đồng (Cu)	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
09	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
10	Sắt (Fe)	mg/l	KPH	0,08	1	SMEWW 3111B:2017
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	16,5	-	5	SMEWW 5520B&F:2017
12	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2
13	Florua (F ⁻)	mg/l	KPH	-	5	SMEWW 4500.F.B&D:2017
14	N-NH ₄ ⁺	mg/l	40,1	-	5	TCVN 5988 : 1995
15	Tổng Nito	mg/l	51,5	-	20	TCVN 6638 :2000
16	Tổng Phospho	mg/l	10,2	-	4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
17	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	190	-	500	SMEWW 4500.Cl.B:2017
18	Coliforms	MPN/100ml	2,8 x 10 ⁴	-	3000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; (*): Thông tin do khách hàng cung cấp.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.1320

1. **Tên khách hàng** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
2. **Thông tin mẫu** : NT2 - Nước thải sau hệ thống xử lý
3. **Mô tả mẫu** : Mẫu thử nghiệm chứa trong can nhựa 10 lít, mẫu nước trong, ít cặn lắng
4. **Ngày nhận mẫu** : 14/03/2023
5. **Thời gian thử nghiệm**: 14/03/2023 – 20/03/2023
6. **Ngày trả kết quả** : 21/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
01	Lưu lượng ^(*)	m ³ /h	51	-	-	-
01	Nhiệt độ	°C	30,2	-	40	SMEWW 2550B:2017
02	Màu (pH = 7)	Pt – Co	19	-	50	TCVN 6185:2015
03	Mùi	-	Không khó chịu	-	-	-
04	pH	-	7,11	-	6 – 9	TCVN 6492:2017
05	BOD ₅	mg/l	16	-	30	TCVN 6011-1:2008
06	COD	mg/l	35	-	75	SMEWW 5220C:2017
07	TSS	mg/l	27	-	50	TCVN 6625:2000
08	Asen (As)	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
09	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
10	Chì (Pb)	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
11	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
13	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
14	Đồng (Cu)	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
15	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
16	Niken (Ni)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
17	Mangan (Mn)	mg/l	KPH	0,03	0,5	SMEWW 3111B:2017
18	Sắt (Fe)	mg/l	KPH	0,08	1	SMEWW 3111B:2017
19	Thiếc (Sn)	mg/l	KPH	0,05	-	SMEWW 3111B:2017
20	Tổng xianua (CN ⁻)	mg/l	KPH	-	0,07	TCVN 6181:1996
21	Tổng phenol	mg/l	KPH	-	0,1	TCVN 6216:1996



PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	-	5	SMEWW 5520B&F:2017
23	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	KPH	-	-	SMEWW 5520B&F:2017
24	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2
25	Florua (F ⁻)	mg/l	KPH	-	5	SMEWW 4500.F.B&D:2017
26	N - NH ₄ ⁺	mg/l	3,8	-	5	TCVN 5988:1995
27	Tổng Nitơ	mg/l	10,2	-	20	TCVN 6638:2000
28	Tổng Phospho	mg/l	0,90	-	4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
29	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	45,5	-	500	SMEWW 4500.Cl.B:2017
30	Clo dư (Cl ₂)	mg/l	0,87	-	1	TCVN 6225-3:2011
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	µg/l	KPH	0,02	0,05	US.EPA.Method.3510C+ US.EPA.Method.3630C+ US.EPA.Method.8270D
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phospho hữu cơ	µg/l	KPH	0,18	0,3	US.EPA.Method.3510C+ US.EPA.Method.3620C+ US.EPA.Method.8270D
33	Tổng PCB	µg/l	KPH	0,1	0,003	US.EPA.Method.3510C+ US.EPA.Method.3630C+ US.EPA.Method.8270D
34	Coliforms	MPN/ 100ml	1,4 x 10 ³	-	3000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- (*): Thông tin do khách hàng cung cấp.
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q) và hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f)



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẤT CHỨNG NHÂN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **23.1321**

1. **Tên khách hàng** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
2. **Thông tin mẫu** : NM1 - Nước mặt sông Tiền cách Công ty 100 m phía thượng nguồn
3. **Mô tả mẫu** : Mẫu thử nghiệm chứa trong can nhựa 5 lít, mẫu vàng nâu nhạt, ít cặn lắng
4. **Ngày nhận mẫu** : 14/03/2023
5. **Thời gian thử nghiệm**: 14/03/2023 – 20/03/2023
6. **Ngày trả kết quả** : 21/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Giá Trị C Cột A2	Phương pháp phân tích
01	pH	-	6,86	-	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
02	DO	mg/l	7,2	-	≥ 5	TCVN 7325:2016
03	BOD ₅	mg/l	5	-	6	TCVN 6001-2:2008
04	COD	mg/l	11	-	15	SMEWW 5220C:2017
05	TSS	mg/l	23	-	30	TCVN 6625:2000
06	N-NH ₄ ⁺	mg/l	0,25	-	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ B&F:2017
07	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	36,7	-	350	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017
8	Sắt (Fe)	mg/l	KPH	0,04	1	TCVN 6177:1996
9	N-NO ₃ ⁻	mg/l	KPH	0,015	5	TCVN 6180:1996
10	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,14	-	0,2	SMEWW 4500-P.E:2017
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH	0,025	0,2	TCVN 6622-1:2009
12	Tổng dầu, mỡ	mg/l	KPH	0,3	0,5	SMEWW 5520B:2017
13	Coliform	MPN/ 100ml	3,6 x 10 ³	-	5000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Giám đốc

Ngô Thị Bích Thuần

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.1322

- Tên khách hàng** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
- Thông tin mẫu** : NM2 - Nước mặt sông Tiền cách Công ty 100 m phía hạ nguồn
- Mô tả mẫu** : Mẫu thử nghiệm chứa trong can nhựa 5 lít, mẫu vàng nâu nhạt, ít cặn lắng
- Ngày nhận mẫu** : 14/03/2023
- Thời gian thử nghiệm** : 14/03/2023 – 20/03/2023
- Ngày trả kết quả** : 21/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Giá Trị Cột A2	Phương pháp phân tích
01	pH	-	6,83	-	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
02	DO	mg/l	7,5	-	≥ 5	TCVN 7325:2005
03	TSS	mg/l	21	-	30	TCVN 6625:2000
04	COD	mg/l	12	-	15	SMEWW 5220C:2017
05	BOD ₅	mg/l	5	-	6	TCVN 6001-2:2008
06	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	40,3	-	350	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017
07	Sắt (Fe)	mg/l	KPH	-	1	TCVN 6177:1996
08	N-NH ₄ ⁺	mg/l	0,23	0,04	0,3	SMEWW 4500 NH3 B&F:2017
09	N-NO ₃ ⁻	mg/l	KPH	0,015	5	TCVN 6180:1996
10	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,16	-	0,2	SMEWW 4500-P.E:2017
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH	0,025	0,2	TCVN 6622-1:2009
12	Tổng dầu, mỡ	mg/l	KPH	0,3	0,5	SMEWW 5520B:2017
13	Coliform	MPN/100ml	3,9 x 10 ³	-	5000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.1318

1. Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Bùn thải3. Thông tin mẫu : BT - Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải4. Ngày nhận mẫu : 14/03/20235. Ngày trả kết quả : 21/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT	Phương pháp phân tích
					Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H ₂ O, T = 0,293	
01	pH	-	5,45	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C+ US EPA Method 9045D
02	Asen (As)	ppm	KPH	0,36	13.2	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
03	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	33.1	
04	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	3.3	
05	Chì (Pb)	ppm	KPH	-	99.4	
06	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	6.6	TCVN 8963:2011+ SMEWW 3113B:2017
07	Bari (Ba)	ppm	KPH	6,61	662	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111D:2017
08	Coban (Co)	ppm	KPH	5,79	530	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
09	Kẽm (Zn)	ppm	KPH	-	1656	
10	Niken (Ni)	ppm	KPH	3,53	464	
11	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,110	1.3	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3	33.1	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
13	Tổng Xyanua (CN ⁻)	ppm	KPH	3,0	195	EPA Method 9013A+ EPA Method 9010C+ EPA Method 9014
14	Tổng dầu	mg/l	23,2	5	50 ^(*)	TCVN 9239:2017+ SMEWW 5520B:2017
15	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	ppm	KPH	3,0	6624	US EPA Method 3550C+ US EPA Method 3630C+ US EPA Method 8041A
16	Benzen (C ₆ H ₆)	ppm	KPH	0,4	3.3	US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8015D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.

- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.

- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PNC không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)

- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngầm chiết C_{tc} (mg/l): KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.